

Đ BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO**THÔNG TƯ****Công bố vùng nước các cảng biển Bình Định, Phú Yên
và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Công bố vùng nước các cảng biển Bình Định, Phú Yên và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn.

Điều 1. Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk

1. Vùng nước cảng biển Bình Định thuộc địa phận tỉnh Gia Lai, bao gồm vùng nước cảng biển Bình Định tại khu vực Quy Nhơn - Thị Nại - Đống Đa và vùng nước cảng biển Bình Định tại khu vực Phù Mỹ - Hoài Nhơn.

2. Vùng nước cảng biển Phú Yên thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk, bao gồm vùng nước cảng biển Phú Yên tại khu vực Vũng Rô, vùng nước cảng biển Phú Yên tại khu vực Bãi Gốc và vùng nước cảng biển Phú Yên tại khu vực Vịnh Xuân Đài.

Điều 2. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Định và cảng biển Phú Yên

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Định tại khu vực Quy Nhơn - Thị Nại - Đống Đa tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm QN1, QN2, QN3, QN4 có các tọa độ sau đây:

QN1: $13^{\circ}45'15,7''\text{N}$; $109^{\circ}17'08,5''\text{E}$;

QN2: $13^{\circ}41'09,7''\text{N}$; $109^{\circ}17'08,5''\text{E}$;

QN3: $13^{\circ}41'09,7''\text{N}$; $109^{\circ}14'59,5''\text{E}$;

QN4: $13^{\circ}41'18,7''\text{N}$; $109^{\circ}13'51,5''\text{E}$;

b) Ranh giới về phía đất liền: được giới hạn từ điểm QN4 chạy dọc theo bờ biển về phía Bắc, cắt ngang các cửa sông Hà Thanh đến điểm QN5 có tọa độ $13^{\circ}48'39,7''\text{N}$, $109^{\circ}13'29,5''\text{E}$, từ điểm QN5 nối đến điểm QN6, có tọa độ $13^{\circ}48'51,7''\text{N}$, $109^{\circ}15'02,5''\text{E}$, bằng đoạn thẳng song song với cầu Thị Nại, cách cầu Thị Nại 150 mét và từ điểm QN6 chạy dọc theo bờ biển bán đảo Phước Mai đến điểm QN1.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Định tại khu vực Phù Mỹ - Hoài Nhơn tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm PM1, PM2, PM3, PM4 có các tọa độ sau đây:

PM1: $14^{\circ}27'03.7''\text{N}$; $109^{\circ}07'05.5''\text{E}$;

PM2: $14^{\circ}27'03.7''\text{N}$; $109^{\circ}15'53.5''\text{E}$;

PM3: $14^{\circ}12'03.7''\text{N}$; $109^{\circ}15'53.5''\text{E}$;

PM4: $14^{\circ}12'03.7''\text{N}$; $109^{\circ}10'59.5''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền: được giới hạn từ điểm PM4 chạy dọc theo bờ biển về phía Bắc, cắt ngang cửa sông Châu Trúc tại Hà Ra đến điểm PM1.

3. Phạm vi vùng nước Cảng biển Phú Yên tại khu vực Vịnh Vũng Rô tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được xác định cụ thể như sau:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm VR1, VR2, VR3 và VR4, có các tọa độ sau đây:

VR1: $12^{\circ}50'52''\text{N}$; $109^{\circ}25'29''\text{E}$

VR2: $12^{\circ}49'58''\text{N}$; $109^{\circ}25'29''\text{E}$

VR3: 12⁰49'58" N; 109⁰23'47" E

VR4: 12⁰50'44" N; 109⁰23'20" E

b) Ranh giới phía đất liền: được giới hạn từ điểm VR4 chạy dọc theo đường bờ Vịnh Vũng Rô về phía Bắc, xuống phía Nam đến điểm VR1.

4. Phạm vi vùng nước Cảng biển Phú Yên tại khu vực Bãi Gốc tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được xác định cụ thể như sau:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm BG1, BG2, BG3, BG4 và BG5, có các tọa độ sau đây:

BG1: 12⁰56'57,7" N; 109⁰25'35,5" E;

BG2: 12⁰58'03,7" N; 109⁰26'17,5" E;

BG3: 12⁰58'03,7" N; 109⁰32'53,5" E;

BG4: 12⁰53'33,7" N; 109⁰32'53,5" E;

BG5: 12⁰53'33,7"N; 109⁰27'17,5"E.

b) Ranh giới phía đất liền: được giới hạn từ điểm BG5 chạy dọc theo đường bờ biển về phía Bắc đến điểm BG1.

5. Phạm vi vùng nước cảng biển Phú Yên tại khu vực Vịnh Xuân Đài tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm XD1, XD2 và XD3, có các tọa độ sau đây:

XD1: 13⁰27'52" N; 109⁰19'34" E;

XD2: 13⁰17'16" N; 109⁰19'34" E;

XD3: 13⁰15'22" N; 109⁰18'53" E.

b) Ranh giới phía đất liền: được giới hạn từ điểm XD3 chạy dọc theo bờ vịnh Xuân Đài về phía Bắc, đến phía Đông đến điểm XD4, cắt ngang cửa sông Phú Ngân đến điểm XD5 và theo mép bờ về phía Đông Bắc đến điểm XD6; từ điểm XD6 cắt qua mặt nước vịnh Xuân Đài đến điểm XD7 và chạy dọc theo mép bờ về phía Đông Nam, Đông Bắc đến điểm XD1, có các tọa độ sau đây:

XD4: 13⁰15'28" N; 109⁰18'51" E;

XD5: 13⁰15'28" N; 109⁰18'45" E;

XD6: 13⁰25'46" N; 109⁰14'11" E;

XD7: 13⁰25'46" N; 109⁰15'23" E.

6. Ranh giới vùng nước các cảng biển quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ: VN300016, VN300017, VN300018 do Xí nghiệp khảo sát

hàng hải Miền Nam, Tổng Công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam sản xuất năm 2016, sửa đổi năm 2024. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển đổi sang Hệ tọa độ WGS-84 tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão và các khu nước, vùng nước có liên quan khác

Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời vùng nước cảng biển Bình Định, cảng biển Phú Yên và khu nước, vùng nước khác theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với hoạt động hàng hải tại cảng biển Bình Định, cảng biển Phú Yên và khu vực quản lý được giao.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước, trọng tải của tàu thuyền và tính chất hàng hóa, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước theo quy định, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài phạm vi vùng nước quy định tại Điều 2 Thông tư này, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày....tháng...năm 2025. Bãi bỏ Thông tư số 55/2018/TT-BGTVT ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Định, tỉnh Phú Yên và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai, Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn,

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ trưởng Bộ XD;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ XD;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ XD;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

PHỤ LỤC
BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số...../2025/TT-BXD ngày...tháng....năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố vùng nước các cảng biển Bình Định, Phú Yên và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn)

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Định tại khu vực Quy Nhơn - Thị Nại - Đống Đa gồm các vị trí từ QN1 đến QN6 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS - 84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
QN1	13 ⁰ 45'15,7''	109 ⁰ 17'08,5''	13 ⁰ 45'12''	109 ⁰ 17'15''	Mũi Yến
QN2	13 ⁰ 41'09,7''	109 ⁰ 17'08,5''	13 ⁰ 41'06''	109 ⁰ 17'15''	Phía biển
QN3	13 ⁰ 41'09,7''	109 ⁰ 14'59,5''	13 ⁰ 41'06''	109 ⁰ 15'06''	Hòn đất
QN4	13 ⁰ 41'18,7''	109 ⁰ 13'51,5''	13 ⁰ 41'15''	109 ⁰ 13'58''	Phía bờ
QN5	13 ⁰ 48'39,7''	109 ⁰ 13'29,5''	13 ⁰ 48'36''	109 ⁰ 13'36''	Phía bờ
QN6	13 ⁰ 48'51,7''	109 ⁰ 15'02,5''	13 ⁰ 48'48''	109 ⁰ 15'09''	Phía bờ

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Định tại khu vực Phù Mỹ - Hoài Nhơn gồm các vị trí từ PM1, PM2, PM3 và PM4 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS - 84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
PM1	14 ⁰ 27'03.7''	109 ⁰ 07'05.5''	14 ⁰ 27'00''	109 ⁰ 07'12''	Phía bờ
PM2	14 ⁰ 27'03.7''	109 ⁰ 15'53.5''	14 ⁰ 27'00''	109 ⁰ 16'00''	Phía biển
PM3	14 ⁰ 12'03.7''	109 ⁰ 15'53.5''	14 ⁰ 12'00''	109 ⁰ 16'06''	Phía biển
PM4	14 ⁰ 12'03.7''	109 ⁰ 10'59.5''	14 ⁰ 12'00''	109 ⁰ 11'06''	Phía bờ

3. Phạm vi vùng nước Cảng biển Phú Yên tại khu vực Vịnh Vũng Rô bao gồm các vị trí từ VR1 đến VR4 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS - 84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
VR1	12 ⁰ 50'52''	109 ⁰ 25'29''	12 ⁰ 50'48''	109 ⁰ 25'36''	Mũi La
VR2	12 ⁰ 49'58''	109 ⁰ 25'29''	12 ⁰ 49'54''	109 ⁰ 25'36''	Phía biển

VR3	12 ⁰ 49'58"	109 ⁰ 23'47"	12 ⁰ 49'54"	109 ⁰ 23'54"	Hòn Nưa
VR4	12 ⁰ 50'44"	109 ⁰ 23'20"	12 ⁰ 50'40"	109 ⁰ 23'27"	Phía bờ

4. Phạm vi vùng nước Cảng biển Phú Yên tại khu vực Bãi Gốc bao gồm các vị trí từ BG1 đến BG5 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS - 84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
BG1	12 ⁰ 56'57,7"	109 ⁰ 25'35,5"	12 ⁰ 56'54"	109 ⁰ 25'42"	Cửa Đà Nông
BG2	12 ⁰ 58'03,7"	109 ⁰ 26'17,5"	12 ⁰ 58'00"	109 ⁰ 26'24"	Phía Nam Hòn Cô
BG3	12 ⁰ 58'03,7"	109 ⁰ 32'53,5"	12 ⁰ 58'00"	109 ⁰ 33'00"	Phía biển
BG4	12 ⁰ 53'33,7"	109 ⁰ 32'53,5"	12 ⁰ 53'30"	109 ⁰ 33'00"	Phía biển
BG5	12 ⁰ 53'33,7"	109 ⁰ 27'17,5"	12 ⁰ 53'30"	109 ⁰ 27'24"	Phía Nam Đền biển Đại Lãnh

5. Phạm vi vùng nước cảng biển Phú Yên tại khu vực vịnh Xuân Đài bao gồm các vị trí từ XD1 đến XD7 có tọa độ như sau:

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS - 84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
XD1	13 ⁰ 27'52"	109 ⁰ 19'34"	13 ⁰ 27'48"	109 ⁰ 19'42"	Mũi Ông Diên
XD2	13 ⁰ 17'16"	109 ⁰ 19'34"	13 ⁰ 17'12"	109 ⁰ 19'42"	Cù Lao Mái Nhà
XD3	13 ⁰ 15'22"	109 ⁰ 18'53"	13 ⁰ 15'18"	109 ⁰ 19'00"	Phía bờ
XD4	13 ⁰ 15'28"	109 ⁰ 18'51"	13 ⁰ 21'24"	109 ⁰ 15'58"	Phía bờ
XD5	13 ⁰ 15'28"	109 ⁰ 18'45"	13 ⁰ 21'24"	109 ⁰ 15'52"	Phía bờ
XD6	13 ⁰ 25'46"	109 ⁰ 14'11"	13 ⁰ 25'42"	109 ⁰ 14'18"	Phía bờ
XD7	13 ⁰ 25'46"	109 ⁰ 15'23"	13 ⁰ 25'42"	109 ⁰ 15'30"	Phía bờ